

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chính sách củng cố, khôi phục và phát triển nghề,
làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng tiền chuyển quyền sử dụng đất, tiền bán nhà xưởng và các công trình khác khi tổ chức kinh tế phải di dời trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh theo quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 2636/QĐ-BNN-CB ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề;

Căn cứ Thông tư số 113/2006/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về ngân sách Nhà nước hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 66/2006/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 151/TTr-SNN ngày 19 tháng 02 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này Quy định chính sách củng cố, khôi phục và phát triển nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

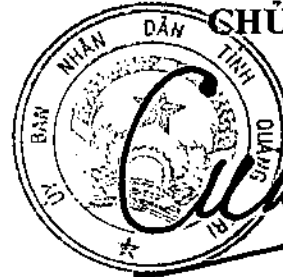
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TVTU, TT/HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh
- Cục Kiểm tra VB QPPL-Bộ Tư pháp;
- Các PVP, CV;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Cường

QUY ĐỊNH

**Chính sách củng cố, khôi phục và phát triển nghề,
làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **12** /2014/QĐ-UBND ngày **10** /3/2014
của UBND tỉnh Quảng Trị)

**Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng cho hoạt động đầu tư, phát triển nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống, làng nghề mới tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh bao gồm:

- Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
- Hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã;
- Hộ kinh doanh cá thể hoạt động theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.

b) Các làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn.

Điều 2. Lĩnh vực, ngành nghề được hưởng chính sách

1. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy hải sản.
2. Sản xuất các sản phẩm đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ.
3. Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn.
4. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.
5. Gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh.
6. Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.
7. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề; tư vấn sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.
8. Các lĩnh vực ngành nghề khác phù hợp với qui hoạch phát triển ngành nghề nông thôn của tỉnh.

Chương 2 **NHỮNG CHÍNH SÁCH CỤ THỂ**

Điều 3. Chính sách về đất đai

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và có dự án đầu tư phát triển ngành nghề, được chính quyền địa phương cấp đất trong quy hoạch theo quy định để hoạt động phát triển ngành nghề, làng nghề.

2. Các dự án đầu tư ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống được ưu tiên bố trí vào cụm công nghiệp địa phương, điểm làng nghề theo quy hoạch, được hưởng các chính sách về thuê đất và phí sử dụng hạ tầng theo quy định tại quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 8 tháng 6 năm 2009 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

3. Đối với các dự án phải di dời theo quy hoạch, được hưởng các chính sách theo Quyết định số 74/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng tiền chuyển quyền sử dụng đất, tiền bán nhà xưởng và các công trình khác khi tổ chức kinh tế phải di dời trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh theo quy hoạch.

Điều 4. Chính sách về hạ tầng kỹ thuật

Các dự án đầu tư phát triển ngành nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống theo Điều 2 của quy định này được hỗ trợ một phần chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu như: Điện, cấp nước, giao thông, thông tin liên lạc đến chân hàng rào công trình theo quy định tại Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 8 tháng 6 năm 2009 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 5. Chính sách đầu tư và tín dụng

1. Về ưu đãi đầu tư: Doanh nghiệp có dự án đầu tư, cung ứng các dịch vụ trực tiếp phục vụ tiêu thụ sản phẩm của làng nghề được hưởng các ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Về tín dụng: Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, công nghệ, mở rộng quy mô, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề được vay vốn tín dụng theo quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và được hưởng chính sách hỗ trợ bù lãi suất tiền vay của các tổ chức tín dụng theo quy định (từ nguồn vốn hỗ trợ tổ chức, cá nhân vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh phục vụ xây dựng nông thôn mới của tỉnh).

Điều 6. Chính sách về xử lý môi trường làng nghề

Làng nghề, làng nghề truyền thống có đề án xử ô nhiễm môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt được ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% tổng kinh phí đầu tư nhưng không quá 01 tỷ đồng.

Nguồn vốn đầu tư hệ thống xử lý môi trường trong làng nghề được quản lý theo Luật Ngân sách và phân cấp của UBND tỉnh; Thủ tục quản lý và cấp phát thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 7. Chính sách khuyến công:

Các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn được hưởng các chính sách khuyến công theo quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công và Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với chương trình khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 8. Chính sách đào tạo nghề.

Lao động tại các làng nghề, làng nghề truyền thống có nhu cầu học nghề sẽ được ưu tiên hỗ trợ học nghề theo các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” và Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công

Chương 3 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Phân công trách nhiệm

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Là đầu mối thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực ngành nghề nông thôn, phối hợp với các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh phát triển ngành nghề nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thẩm định, công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh đảm bảo quy định.

- Xây dựng dự án phát triển sản xuất công nghiệp tập trung gắn liền với chương trình bảo tồn, phát triển làng nghề và chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

Chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành có liên quan thực hiện các đề án, dự án về việc phát triển ngành nghề nông thôn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai.

2. Sở Công Thương.

- Xây dựng chương trình bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp là một mục tiêu trong quy hoạch phát triển ngành công nghiệp của tỉnh.

- Thực hiện công tác đào tạo, nâng cao năng lực quản lý và khởi sự doanh nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

- Tăng cường tranh thủ nguồn vốn từ quỹ quốc gia, chương trình quốc gia để xây dựng các mô hình bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống.

- Chỉ đạo, hỗ trợ các huyện, thị xây dựng quy hoạch và thực hiện quy hoạch các cụm công nghiệp, điểm làng nghề tiểu thủ công nghiệp để đẩy mạnh phát triển ngành nghề nông thôn hoặc di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh để giảm ô nhiễm ra khỏi khu dân cư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Chủ trì, cân đối nguồn vốn và phân bổ vốn cho Dự án phát triển làng nghề kết hợp du lịch, Dự án phục bảo tồn phát triển làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một.

- Chủ trì, xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt các dự án nhằm triển khai Đề án Bảo tồn phát triển làng nghề.

- Xây dựng kế hoạch kêu gọi đầu tư bao gồm cả nội dung bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống gắn với xây dựng nông thôn mới

4. Sở Tài chính.

- Tham mưu việc khai thác huy động vốn từ nguồn Ngân sách các cấp hỗ trợ và nguồn vốn từ xã hội hoá.

- Chủ trì, hướng dẫn cơ chế tài chính đối với những chính sách hỗ trợ của Chương trình.

- Hàng năm, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chính sách về phát triển ngành nghề nông thôn đã ban hành.

5. Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thực hiện các nội dung về hỗ trợ việc chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, đổi mới thiết bị cho bảo tồn và phát triển ngành nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Hỗ trợ các làng nghề, làng nghề truyền thống xác lập, quản lý và phát triển các đối tượng về sở hữu công nghiệp.

- Bố trí thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ cho các cơ sở sản xuất làng nghề nhằm củng cố và phát triển khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường.

Quy hoạch quỹ đất cho phát triển ngành nghề nông thôn; Đồng thời hướng dẫn và giám sát việc xây dựng hệ thống công trình xử lý môi trường. Hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh ngành nghề nông thôn lập hồ sơ để được hưởng chính sách hỗ trợ từ phía nhà nước đối với một số mô hình xử lý môi trường theo quy định.

7. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND cấp huyện để triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề cho người lao động.

8. Ban Thi đua - Khen thưởng của tỉnh:

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố thẩm định, trình UBND tỉnh ra Quyết định cấp Bằng công nhận và tiền thưởng cho các làng nghề, làng nghề truyền thống ở những địa phương trong tỉnh đạt tiêu chí theo quy định.

9. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh:

Chỉ đạo các chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong làng nghề, cụm công nghiệp phục vụ làng nghề vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh.

10. UBND huyện, thành phố, thị xã.

- Phối hợp với Sở Công Thương và các Sở, ban ngành xây dựng các quy hoạch, kế hoạch cụ thể trên địa bàn để xây dựng đề án bảo tồn và phát triển làng nghề của địa phương.

- Chỉ đạo tổ chức và thực hiện lồng ghép với các chương trình, dự án khác có trên địa bàn, đặc biệt là gắn với chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức, tự giác thực hiện tốt Chương trình.

Điều 10. Khen thưởng

1. Đối với nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đạt tiêu chí làng nghề nông thôn theo Thông tư 116/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 66/2006/NĐ-CP về phát triển ngành nghề nông thôn”, được UBND tỉnh tặng Bằng công nhận kèm theo một khoản tiền thưởng là 10 triệu đồng đối với một nghề truyền thống, 15 triệu đối với một làng nghề và 20 triệu đồng đối với một làng nghề truyền thống.

2. Các địa phương, tổ chức du nhập nghề mới đã sản xuất có hiệu quả và ổn định sau 2 năm, được khen thưởng và hỗ trợ, với mức sau:

- Có quy mô thu hút từ 50 - 100 lao động thường xuyên được UBND tỉnh tặng bằng khen và hỗ trợ 10 triệu đồng;

- Có quy mô thu hút từ 100 - 200 lao động thường xuyên được UBND tỉnh tặng bằng khen và hỗ trợ 20 triệu đồng;

- Có quy mô thu hút trên 200 lao động thường xuyên được UBND tỉnh tặng bằng khen và hỗ trợ 30 triệu đồng.

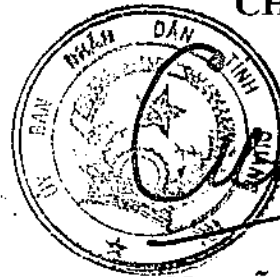
3. Các cá nhân có công truyền nghề, nhân cây nghề như: các nghệ nhân, thợ giỏi, thợ lành nghề; các cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển ngành nghề được UBND tỉnh tặng bằng khen và hỗ trợ 02 triệu đồng.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Các chính sách khuyến khích liên quan đến phát triển ngành nghề, làng nghề không nêu trong Quy định này được áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các làng nghề kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Cường